

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2019-00076590

Mã số kết quả

AR-19-VD-082099-01-VI / EUVNHC-00079735



Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn VEDAN Việt Nam

Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái
Huyện Long Thành
Đồng Nai
Việt Nam



Tên mẫu:

MÌ SNACK BABY STAR NGUYÊN VỊ - SỢI LỚN (BABY STAR CRISPY WIDE NOODLE SNACK - ORIGINAL)

Tình trạng mẫu:

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

16/09/2019

Thời gian thử nghiệm:

16/09/2019 - 25/09/2019

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

25/09/2019

Mã số PO của khách hàng :

I2N2190916195

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=3)
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD <i>Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc</i>	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD129 VD Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	64.7
9	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	%	AOAC 991.43	1.91
10	VD165 VD (a)(f) Béo	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	25.0
11	VD263 VD (a)(f) Protein	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	6.76

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

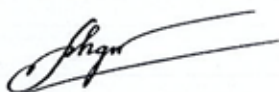
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
12	VD304 VD (a)(f) Đường tổng	g/100 g	Ref. AOAC 977.20	3.20
13	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	511
14	VD0BN VD (a) chất béo bão hòa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	12.7
15	VD0BR VD (a) chất béo dạng trans	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	0.86
17	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/kg	AOAC 994.10 mod	Không phát hiện (LOD=10)
18	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/kg	AOAC 969.23	8690
19	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
20	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
21	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
22	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/kg	Ref. EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=5)
23	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/kg	Ref. BS EN 15791:2009	Không phát hiện (LOD=50)
24	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
25	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
26	VD0L3 VD (a) Malathion	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD0SZ VD (a) Carbaryl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD0TP VD (a) Methomyl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD0W5 VD (a) Imidacloprid	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD020 VD (a) Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
31	VD630 VD Màu sắc		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Màu vàng nâu.
32	VD630 VD Mùi		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
33	VD630 VD Trạng thái		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Dạng: khô, cứng, giòn, hình lượn sóng, không đồng đ
34	VD630 VD Vĩ		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Vĩ mịn, ngọt đặc trưng của sản phẩm.
35	VD1HY VD Chlormequat	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
36	VD10M VD (a) Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD1HU VD Diquat	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vy
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Ly Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vy 14/10/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế